

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/HS-ST

Ngày: 25- 9- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn

2. Ông Hoàng Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hà- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2020/HSST ngày 23/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2020/QĐXXST- HS, ngày 06 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/HSST- QĐ ngày 16/9/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Tam Tầng, xã Quang Châu, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Quang Tuyền và bà Nguyễn Thị Hoài; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Anh Lý Văn Ch, sinh năm 1997 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1963 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

** Người làm chứng:*

1. Chị Lâm Thị T, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Lâm Thị N, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 01/3/2020, Nguyễn Quang T đến phòng số 203 nhà trọ Hoàng Sơn chơi và có vay của anh Chính số tiền 1.900.000 đồng, hẹn hôm sau sẽ trả. Đến hẹn không thấy T mang tiền đến trả, gọi điện thoại nhưng T không nghe máy nên khoảng 10 giờ ngày 02/3/2020, anh Chính đến nhà T tìm gặp T để đòi tiền. T không có nhà, anh Chính đã nói cho bà Hoài biết việc T vay tiền của anh.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, T đến phòng trọ 203 gặp anh Chính, khi chỉ có T, anh C và anh Q ở trong phòng trọ của anh C và anh Q. T đi đến gần chỗ anh C, dùng tay phải túm cổ áo anh C, tay trái tát liên tiếp khoảng 10 cái vào mặt anh C, vừa tát vừa chửi anh C và hỏi lý do anh C đến nhà T đòi tiền làm T bị mẹ mắng và mất danh dự của T. Do anh C không trả lời nên T tiếp tục đứng đối diện và dùng hai tay vít cổ anh C xuống rồi dùng đầu gối chân trái thúc một cái từ dưới lên trúng vào trán anh C, đồng thời T chửi anh C về việc anh C đến nhà T đòi tiền. Khoảng 14 giờ cùng ngày chị N và chị Trang đi vào trong phòng 203, T lại chửi anh C và dùng tay tát vào mặt anh C khoảng 05 cái rồi dùng hai tay túm cổ du anh C nằm ngửa trên giường, sau đó dùng tay phải lấy mũ bảo hiểm (để ở cạnh giường) giơ lên định đánh vào người anh C nhưng do anh Q, chị N và chị Trang can ngăn nên T không đánh anh C nữa. Anh C ngồi dậy, mặt hướng ra phía cửa phòng, T nằm ngửa ra giường (cạnh chỗ anh C ngồi) và dùng chân phải gác lên vai trái anh C, thỉnh thoảng lại dùng mu bàn chân phải hẩy nhẹ vào má anh C nhưng anh C vẫn không nói gì. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T không đánh và không chửi anh C nữa mà nằm ở giường chơi điện tử bằng điện thoại di động.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh C nên T yêu cầu anh C phải bồi thường danh dự cho T với số tiền 5.000.000 đồng do việc anh C đến nhà T đòi tiền dẫn đến việc T bị mẹ T mắng làm mất danh dự của T. Anh C nói với T là anh C không có tiền thì T nói với anh C “Đây là việc của mày”, đồng thời tiếp tục yêu cầu anh C phải bồi thường tiền danh dự cho T. Anh C gọi điện thoại cho bạn để vay tiền nhưng không vay được tiền. Thấy vậy, T nói với anh C “Đây, xe mày đây, tiền ở đây chứ ở đâu” (ý T bảo anh C mang xe mô tô đi cầm cố lấy tiền đưa cho T). Khi anh C không đồng ý mang xe mô tô đi cầm cố, T yêu cầu anh C gỡ mật khẩu màn hình điện thoại của anh C và đưa điện thoại cho T mang đi tiêu thụ để lấy tiền bồi thường danh dự cho T. Do sợ sẽ bị T đánh nên anh C gỡ mật khẩu điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus của mình rồi đưa cho T cầm. T tiếp tục yêu cầu anh C cho T mượn xe mô tô để T mang chiếc điện thoại của anh T đi bán. T gọi chị Trang xuống đi cùng T. T lấy xe mô tô của anh C rồi điều khiển xe mô tô chở chị Trang đi bán điện thoại của anh C, nhưng không ai mua vì điện thoại có mật khẩu Icloud. T điều khiển xe mô tô chở chị Trang quay về nhà trọ, trả xe cho anh C, sau đó cầm theo chiếc điện thoại của anh C bỏ đi.

Ngày 18/3/2020 Nguyễn Quang T đến Cơ quan điều tra, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus để trả lại cho anh C.

Ngày 15/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V đã định giá và kết luận: Chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus có trị giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Với nội dung trên tại bản cáo trạng số 95/CT- VKS ngày 20/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo đồng ý bồi thường 10.000.000đ theo yêu cầu của anh C. Anh C đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi trình bày bản luận tội đó phân tích, đánh giá về nguyên nhân phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 09 đến 11 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng.

Đề nghị tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội, tài sản chiếm đoạt, thủ đoạn chiếm đoạt tài sản, quá trình đi tiêu thụ tài sản hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định:

Về chủ thể: Bị cáo đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Khách thể: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ.

Hành vi khách quan: Do có mâu thuẫn trong việc vay tài sản. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/3/2020, tại phòng số 203 nhà trọ Hoàng Sơn ở thôn Tam Tầng, xã Quang Châu, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Quang T đã dùng chân tay đánh anh C. Sau khi kết thúc việc đánh anh C, bị cáo ở lại chơi điện tử trên điện thoại di động. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo yêu cầu anh C phải bồi thường danh dự cho bị cáo 5.000.000đ, anh C không có số tiền trên nên bị cáo đã ép anh C giao chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, trị giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Cách thức chiếm đoạt tài sản: Bị cáo bằng T độ, lời nói đe dọa anh C để chiếm đoạt số tiền 5.000.000đ, nhưng do anh C không có tiền nên bị cáo đã chiếm đoạt của anh C 01 chiếc điện thoại trị giá 2.500.000đ.

Mặt chủ quan: Nguyên nhân bị cáo đánh anh C xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Thời điểm bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh C bị cáo không có hành vi dùng vũ lực hay đe dọa sẽ dùng vũ lực ngay tức khắc đối với anh C. Bản thân anh C thừa nhận do lo sợ nếu anh không đưa điện thoại cho T, anh có thể sẽ bị T đánh. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi của bị cáo Nguyễn Quang T đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo là đúng người đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân gây dư luận không tốt. Thể hiện ý thức coi thường sức khỏe, tài sản của người khác. Do đó cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, vai trò, nhân thân của bị cáo. Để giáo dục, răn đe đối với riêng bản thân bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo khai báo thành khẩn; tự nguyện giao nộp tài sản đã chiếm đoạt cho Cơ quan điều tra để trả lại cho người bị hại, có tác động để gia đình bồi thường tổn thất tinh thần cho người bị hại, tự nguyện ra đầu thú; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên do tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá không lớn; bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Bị cáo còn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Thỏa thuận của bị cáo và bị hại về bồi thường thiệt hại là hợp pháp cần được chấp nhận. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh C 10.000.000đ.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 10 (mười) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Lý Văn Ch 10.000.000đ (mười triệu).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V ;
- CA huyện V;
- THADS V;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu VP, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Thân Văn Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Văn Nhàn

Nguyễn Thị Lại

Thân Văn Hiếu